

Số: 153/2003/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ SỐ 153/2003/QĐ-TTg NGÀY 30 THÁNG 7 NĂM 2003 VỀ VIỆC BAN HÀNH "ĐIỀU LỆ TRƯỜNG ĐẠI HỌC"

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành "Điều lệ trường đại học" kèm theo quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các trường đại học thực hiện Điều lệ. Trong quá trình thực hiện, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Phan Văn Khải

(Đã ký)

ĐIỀU LỆ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này áp dụng cho các trường đại học quy định tại Điều 38 Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 02 tháng 12 năm 1998 (dưới đây gọi tắt là Luật Giáo dục).

Điều 2. Các loại hình trường và loại trường đại học

1. Các loại hình trường đại học bao gồm: công lập, bán công, dân lập và tư thục, được quy định tại Điều 13 Nghị định số 43/2000/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2000 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục (dưới đây gọi tắt là Nghị định 43).

2. Các loại trường đại học bao gồm: đại học, trường đại học và học viện, được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định 43.

3. Đại học Quốc gia được quy định tại Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia.

4. Căn cứ vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu đào tạo nhân lực và quy hoạch mạng lưới các trường đại học trong từng thời kỳ, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục các trường đại học trọng điểm của nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc đặt tên trường đại học

1. Tên của trường đại học bao gồm các cụm từ sau đây:
 - a) Cụm từ xác định loại trường: đại học, trường đại học, học viện;
 - b) Cụm từ xác định loại hình trường nếu là bán công, dân lập hoặc tư thực.
 - c) Cụm từ xác định lĩnh vực, ngành nghề (nếu cần thiết);
 - d) Tên riêng hoặc cụm từ xác định tên đại học nếu trường là trường thành viên.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định việc dịch tên trường đại học ra tiếng nước ngoài.

Điều 4. Quản lý nhà nước đối với các trường đại học

1. Trường đại học chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi trường đặt trụ sở.
2. Cơ quan chủ quản phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện quản lý nhà nước đối với các trường đại học trực thuộc theo quy định của Điều lệ này.

Điều 5. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường đại học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Đảng, chỉ thị, nghị quyết của Đảng.
2. Các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường đại học hoạt động theo quy định của pháp luật và có trách nhiệm thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục theo quy định của Luật Giáo dục phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể, tổ chức xã hội đã được xác định.

Điều 6. Điều kiện thành lập trường đại học

Trường đại học được xét thành lập khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 18 Nghị định 43.

Điều 7. Thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động và giải thể các trường đại học

1. Thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động và giải thể các trường đại học được quy định tại các Điều 19, 20, 21 và 22 Nghị định 43.

2. Đề án thành lập các trường đại học được thực hiện theo 2 bước:

Bước 1: Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận đề án tiền khả thi, đối chiếu với các quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 18 Nghị định 43 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương và cho phép lập đề án khả thi thành lập trường;

Bước 2: Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan tổ chức thẩm định đề án khả thi thành lập trường và các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 18 và Điều 19 Nghị định 43, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thành lập trường.

Điều 8. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học

1. Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học là văn bản cụ thể hoá Điều lệ trường đại học để áp dụng cho từng loại hình trường, một số trường hoặc một trường.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các loại trường, các loại hình trường đại học theo uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ.
3. Các trường đại học xây dựng quy chế về tổ chức và hoạt động của trường trình cơ quan chủ quản phê duyệt.

Điều 9. Nhiệm vụ của trường đại học

1. Đào tạo nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có năng lực thích ứng với việc làm trong xã hội, tự tạo việc làm cho mình và cho những người khác, có khả năng hợp tác bình đẳng trong quan hệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Tiến hành nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Giáo dục và các quy định khác của pháp luật.

4. Phát hiện và bồi dưỡng nhân tài trong những người học và trong đội ngũ cán bộ giảng viên của trường.
5. Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên; xây dựng đội ngũ giảng viên của trường đủ về số lượng, cân đối về cơ cấu trình độ, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu tuổi và giới.
6. Tuyển sinh và quản lý người học.
7. Phối hợp với gia đình người học, các tổ chức, cá nhân trong hoạt động giáo dục.
8. Tổ chức cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các hoạt động xã hội phù hợp với ngành nghề đào tạo và nhu cầu của xã hội.
9. Quản lý, sử dụng đất đai, trường sở, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.
10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền hạn và trách nhiệm của trường đại học

Trường đại học được quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ này về quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường, tổ chức các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, tài chính, quan hệ quốc tế, tổ chức và nhân sự. Cụ thể là:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển nhà trường phù hợp với chiến lược phát triển giáo dục và quy hoạch mạng lưới các trường đại học của nhà nước;
2. Xây dựng chương trình, giáo trình, kế hoạch giảng dạy, học tập đối với các ngành nghề nhà trường được phép đào tạo trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; tổ chức tuyển sinh theo chỉ tiêu của nhà nước, tổ chức quá trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp, in ấn và cấp văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
3. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục; hợp tác, liên kết với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hoá, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, gắn đào tạo với việc làm, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội;
4. Đăng ký tham gia tuyển chọn và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ; ký kết, thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài về khoa học và công nghệ góp phần xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước;
5. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ; bảo vệ lợi ích của nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trong hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của nhà trường;
6. Hợp tác, liên doanh, nhận tài trợ của các tổ chức, cá nhân; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh; sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng cơ sở vật chất của nhà trường, chi cho các hoạt động giáo dục và bổ sung nguồn tài chính cho nhà trường;
7. Được nhà nước giao đất; được thuê đất, vay vốn; được miễn, giảm thuế theo quy định của nhà nước;
8. Tổ chức bộ máy nhà trường; thành lập và giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp của trường theo quy định của nhà nước;
9. Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ và hoạt động tài chính;
10. Thực hiện chế độ báo cáo cơ quan chủ quản và các cơ quan cấp trên về các hoạt động của trường theo quy định hiện hành.

Điều 11. Trách nhiệm dân sự của trường đại học

Trường đại học chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật; không đề bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào lợi dụng danh nghĩa và cơ sở vật chất của trường để tiến hành các hoạt động trái với các quy định của Điều lệ này.

Chương 2:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Điều 12. Mục tiêu, tính chất và nguyên lý giáo dục

Mục tiêu, tính chất và nguyên lý giáo dục của trường đại học được quy định tại Điều 2 và Điều 3 Luật Giáo dục.

Điều 13. Ngôn ngữ giảng dạy

Ngôn ngữ chính thức giảng dạy ở các trường đại học là tiếng Việt. Trong những chương trình hợp tác với nước ngoài, chương trình đào tạo ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài và một số ngành học khác được giảng dạy trực tiếp bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 14. Ngành nghề đào tạo

1. Trường đại học được mở các ngành đào tạo đại học và chuyên ngành đào tạo sau đại học đã có trong danh mục ngành đào tạo của nhà nước khi có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Trường đại học kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo mở thí điểm các ngành đào tạo mới khi xã hội có nhu cầu về nhân lực. Việc mở thêm ngành mới được thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Trường đại học thường xuyên điều tra dự báo nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của xã hội đối với từng ngành nghề của trường; trên cơ sở đó điều chỉnh quy mô, cơ cấu ngành nghề, trình độ và phương thức đào tạo của trường.

Điều 15. Chương trình và giáo trình

1. Trường đại học tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, kế hoạch giảng dạy và học tập cho các ngành đào tạo của trường trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
2. Trường đại học đào tạo theo các chương trình đặc biệt đối với những sinh viên xuất sắc, theo các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ và các chương trình nâng cao kiến thức khác cho các đối tượng có nhu cầu học tập.
3. Trường đại học thường xuyên phát triển chương trình đào tạo theo hướng đa dạng hoá, chuẩn hoá, hiện đại hoá, tạo điều kiện để nhanh chóng tiếp thu có chọn lọc những chương trình đào tạo của các nước phát triển về khoa học công nghệ, phù hợp với yêu cầu của đất nước, phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, của từng ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương nói riêng.
4. Trường đại học dựa trên chương trình đào tạo của hệ chính quy, thiết kế các chương trình chuyển đổi và quy định về liên thông giữa các trình độ, hình thức tổ chức đào tạo và với các cơ sở đào tạo khác; áp dụng quy trình đào tạo linh hoạt; từng bước chuyển quy trình tổ chức đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ, thực hiện chế độ cho học và thi lấy chứng chỉ theo từng học phần tạo thuận lợi cho người học tích lũy kiến thức và thực hiện bình đẳng về cơ hội học tập hoặc chuyển đổi nghề nghiệp cho mọi tầng lớp nhân dân, đặc biệt là những người ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.
5. Trường đại học tổ chức biên soạn, duyệt và thẩm định các giáo trình theo chuyên ngành và các tài liệu giảng dạy, học tập của trường; xây dựng hệ thống giáo trình, tài liệu, trang thiết bị dạy - học đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện về nội dung, phương pháp dạy - học, phát huy tính tích cực, chủ động, năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học.
6. Trường đại học thường xuyên tổ chức đánh giá các chương trình đào tạo của các ngành học, môn học của nhà trường để có những điều chỉnh cần thiết.

Điều 16. Tuyển sinh

1. Trường đại học xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu của nhà nước trên cơ sở khảo sát nhu cầu nhân lực, hiệu quả đào tạo và năng lực cán bộ, cơ sở vật chất của nhà trường; kiến nghị với cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo về điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và phát triển quy mô của trường.
2. Trường đại học tổ chức tuyển sinh theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Kiểm tra, thi và đánh giá

1. Trường đại học thực hiện việc đánh giá kết quả học tập, rèn luyện tu dưỡng, tham gia các hoạt động xã hội của người học, việc giảng dạy của giảng viên.
2. Trường đại học được lựa chọn phương pháp, quy trình, xây dựng hệ thống kiểm tra, thi và đánh giá đảm bảo khách quan, chính xác và phù hợp với phương thức đào tạo và hình thức học tập, xác định mức độ tích lũy của

người học cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành ngành nghề và khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo.

Điều 18. Văn bằng chứng chỉ và chất lượng đào tạo

1. Trường đại học tổ chức công nhận, cấp chứng chỉ, cấp văn bằng tốt nghiệp cho những người được trường đào tạo khi có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Trường đại học chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo và giá trị văn bằng chứng chỉ do trường cấp trên cơ sở xây dựng và phát triển hệ thống đảm bảo chất lượng đào tạo.
3. Trường đại học có trách nhiệm thực hiện quy trình kiểm định chất lượng và công khai kết quả kiểm định chất lượng theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền.

Chương 3:

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 19. Nội dung hoạt động khoa học và công nghệ của trường đại học

1. Nghiên cứu cơ bản, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm của nhà nước và nghiên cứu khoa học về giáo dục.
2. Tham gia giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ do yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của đất nước đặt ra; kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học và công nghệ.
3. Tham gia tư vấn xây dựng chính sách và đề xuất các giải pháp thực hiện chính sách phát triển kinh tế-xã hội cho các cấp quản lý nhà nước ở trung ương và địa phương; tham gia thẩm định về mặt khoa học và công nghệ các dự án, các công trình lớn; góp phần đưa các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến vào thực tiễn sản xuất, đời sống.

Điều 20. Tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ

1. Trường đại học tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học - công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước hoặc do quỹ phát triển khoa học và công nghệ tài trợ theo quy định của pháp luật.
2. Trường đại học xây dựng các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển, các cơ sở sản xuất thử nghiệm, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ có cán bộ cơ hữu và kiêm nhiệm để triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ.
3. Trường đại học phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ tổ chức các hoạt động khoa học và công nghệ.
4. Trường đại học hợp tác khoa học và công nghệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.
5. Trường đại học tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của người học.
6. Trường đại học tổ chức các hội nghị khoa học và công nghệ, tham dự các giải thưởng khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế.

Điều 21. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ

1. Trường đại học tổ chức xây dựng định hướng, kế hoạch hàng năm, trung hạn và dài hạn về hoạt động khoa học và công nghệ của trường để đưa vào kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ chung của cơ quan chủ quản.
2. Trường đại học chủ động đăng ký tham gia tuyển chọn, đấu thầu, ký kết hợp đồng hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp.
3. Trường đại học tự xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp trường.

Điều 22. Thông tin và trang thiết bị khoa học

1. Trường đại học tổ chức, xây dựng, quản lý và cung cấp các nguồn thông tin khoa học và công nghệ của trường, tham gia vào hệ thống thông tin - thư viện chung của các trường đại học, thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

2. Trường đại học xuất bản và phát hành tập san, tạp chí, các ấn phẩm khoa học, tài liệu, giáo trình và các học liệu phục vụ cho hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của trường theo quy định của pháp luật.

3. Trường đại học xây dựng và quản lý các dự án tăng cường trang thiết bị cho các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ của trường, tham gia vào việc xây dựng và quản lý các dự án tăng cường trang thiết bị, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

Chương 4:

NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 23. Trách nhiệm và quan hệ của trường đại học đối với gia đình và xã hội

1. Trường đại học thông báo công khai về:

a) Chỉ tiêu, điều kiện, kế hoạch và phương thức tuyển sinh mới hàng năm, tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp và các quy định riêng của trường liên quan đến học tập, quyền và nghĩa vụ của người học;

b) Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, điều kiện phục vụ học tập, nghiên cứu và sinh hoạt của người học tại trường;

c) Số liệu thống kê hàng năm về người tốt nghiệp và có được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

2. Trường đại học có trang website riêng, thường xuyên cập nhật các thông tin nêu ở khoản 1 Điều này và các thông tin khác về tổ chức và hoạt động của trường.

3. Trường đại học chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học, kết hợp chặt chẽ giữa giáo dục nhà trường, gia đình và xã hội; thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường; xây dựng nhà trường thực sự trở thành trung tâm văn hoá, khoa học.

4. Trường đại học thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá sự nghiệp giáo dục, tạo điều kiện để xã hội có thể tham gia đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, góp ý kiến cho nhà trường về quy hoạch phát triển, cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ đào tạo; hỗ trợ kinh phí cho người học và tiếp nhận người tốt nghiệp; giám sát các hoạt động giáo dục và tạo lập môi trường giáo dục lành mạnh.

5. Trường đại học có trách nhiệm phổ biến trong cộng đồng các tri thức khoa học, chuyên giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 24. Quan hệ giữa trường đại học với các Bộ, ngành, địa phương và các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất kinh doanh

1. Trường đại học có trách nhiệm chủ động phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức khoa học và công nghệ, các cơ sở sản xuất kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham quan, thực hành, thực tập và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; gắn việc giảng dạy, học tập với môi trường xã hội.

2. Trường đại học phối hợp với các Bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp trong việc xác định nhu cầu đào tạo, gắn đào tạo với việc làm và việc tuyển dụng người học đã tốt nghiệp; triển khai ứng dụng những thành tựu khoa học và công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội.

Điều 25. Quan hệ giữa trường đại học với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, cơ quan thông tin đại chúng

Trường đại học chủ động phối hợp với các cơ sở văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, các cơ quan thông tin đại chúng trong các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao, tạo môi trường giáo dục lành mạnh; phát hiện và bồi dưỡng những người học có năng khiếu về hoạt động nghệ thuật, thể dục thể thao; tạo điều kiện về cơ sở vật chất, tài chính phục vụ hoạt động giao lưu văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao cho người học.

Điều 26. Quan hệ giữa trường đại học với chính quyền địa phương

Trường đại học chủ động phối hợp với chính quyền địa phương nơi trường đặt trụ sở trong việc đưa tiên bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống xã hội và đào tạo nhân lực cho địa phương; bảo đảm trật tự, an ninh, cảnh quan môi trường học tập và an toàn của người học; ngăn chặn việc sử dụng ma tuý và các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Chương 5:

QUAN HỆ QUỐC TẾ

Điều 27. Nhiệm vụ về quan hệ quốc tế

1. Trường đại học chủ động thiết lập các mối quan hệ hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ, thoả thuận về đào tạo, khoa học và công nghệ với các trường đại học, các tổ chức giáo dục, khoa học và công nghệ nước ngoài; mời chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy và trao đổi kinh nghiệm theo các quy định của nhà nước.
2. Trường đại học xây dựng các dự án có vốn đầu tư nước ngoài trình cơ quan có thẩm quyền quyết định; huy động nguồn lực để thực hiện tốt các thoả thuận, các dự án phù hợp với các quy định của nhà nước.
3. Trường đại học tổ chức thí điểm các chương trình đào tạo quốc tế trong khuôn khổ các dự án hợp tác với các trường đại học có uy tín trên thế giới, trên cơ sở đó kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm tra, công nhận là chương trình đào tạo chính thức của trường.
4. Trường đại học tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế theo các quy định của nhà nước và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Trường đại học tham gia các tổ chức quốc tế về giáo dục, khoa học và công nghệ theo quy định của nhà nước.

Điều 28. Hợp tác về giáo dục với nước ngoài

1. Trường đại học hợp tác với các tổ chức cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài trong giảng dạy học tập và nghiên cứu khoa học.
2. Trường đại học khuyến khích và tạo điều kiện để giảng viên, cán bộ nhân viên ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm, học thuật theo các chương trình của nhà nước, của nhà trường hoặc tự túc hoặc bằng kinh phí do tổ chức, cá nhân ở trong nước và nước ngoài tài trợ.

Chương 6:

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 29. Cơ cấu tổ chức của trường đại học

1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học bao gồm:
 - a) Hội đồng trường đối với các trường công lập hoặc Hội đồng quản trị đối với các trường bán công, dân lập và tư thục (sau đây gọi chung là các trường ngoài công lập);
 - b) Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đối với trường đại học, Giám đốc và các Phó Giám đốc đối với học viện (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng);
 - c) Hội đồng khoa học và đào tạo;
 - d) Các phòng chức năng;
 - đ) Các khoa và bộ môn trực thuộc trường;
 - e) Các bộ môn thuộc khoa. Một số trường đại học chuyên ngành có thể chỉ có các khoa hoặc bộ môn trực thuộc trường;
 - g) Các tổ chức khoa học và công nghệ như viện, trung tâm, các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ;
 - h) Các doanh nghiệp, các đơn vị sự nghiệp;
 - i) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - k) Các đoàn thể và tổ chức xã hội.
2. Cơ cấu tổ chức của Đại học Quốc gia được quy định tại Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 1 tháng 2 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia.
3. Cơ cấu tổ chức của các đại học được quy định trong quy chế về tổ chức và hoạt động của các đại học.
4. Cơ cấu tổ chức cụ thể của trường đại học được quy định trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường.

Điều 30. Hội đồng trường và Hội đồng quản trị

1. Hội đồng trường là cơ quan quản trị của trường đại học. Hội đồng trường quyết nghị các chủ trương lớn để thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của trường đại học được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.

a) Hội đồng trường có các nhiệm vụ sau đây:

- Quyết nghị về mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển của trường bao gồm dự án quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn phù hợp với Quy hoạch mạng lưới các trường đại học của nhà nước;
- Quyết nghị về dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của trường hoặc các bộ sung, sửa đổi quy chế trước khi Hiệu trưởng trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Quyết nghị chủ trương chi tiêu, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị từ nguồn vốn nêu tại các khoản 2 và 3 Điều 53 của Điều lệ này;
- Giám sát việc thực hiện "Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động của nhà trường" do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quyết nghị của Hội đồng trường, báo cáo cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Các cuộc họp của Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Các quyết nghị của Hội đồng chỉ có giá trị khi có quá nửa tổng số thành viên Hội đồng nhất trí.

c) Hiệu trưởng trường đại học có trách nhiệm thực hiện các quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng trường về những nội dung được quy định tại mục a của khoản này. Khi Hiệu trưởng không nhất trí với quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng trường phải kịp thời báo cáo xin ý kiến cơ quan chủ quản.

d) Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm. Hội đồng trường có các thành viên là: Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy trường, đại diện các giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục có uy tín trong và ngoài trường, các tổ chức chính trị-xã hội trong trường, các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng trường. Chủ tịch Hội đồng trường là chuyên trách và do các thành viên của Hội đồng trường bầu theo nguyên tắc đa số phiếu. Hiệu trưởng không kiêm nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường.

đ) Tổng số các thành viên Hội đồng trường là một số lẻ. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định cơ cấu thành viên cụ thể, quy chế hoạt động, quy trình bầu cử, công nhận các thành viên, Chủ tịch và Tổng Thư ký; hướng dẫn về điều kiện và thủ tục thành lập Hội đồng trường.

2. Hội đồng quản trị là tổ chức đại diện duy nhất quyền sở hữu của các trường ngoài công lập; có trách nhiệm và quyền tự chủ quyết định những vấn đề quan trọng về tổ chức, nhân sự và tài chính, tài sản của trường.

a) Hội đồng quản trị thực hiện chức năng và các nhiệm vụ của Hội đồng trường quy định tại mục a khoản 1 của Điều này và các chức năng, nhiệm vụ khác của Hội đồng quản trị.

b) Cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường ngoài công lập.

Điều 31. Hiệu trưởng trường đại học

1. Hiệu trưởng là người đại diện theo pháp luật của nhà trường; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Hiệu trưởng trường đại học phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có uy tín trong giới khoa học, giáo dục, có năng lực và đã có ít nhất 5 năm tham gia quản lý giáo dục đại học từ cấp bộ môn trở lên;

b) Có học vị Tiến sĩ;

c) Có sức khỏe; tuổi khi bổ nhiệm Hiệu trưởng trường đại học công lập không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ. Những trường hợp đặc biệt Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thống nhất với cơ quan chủ quản xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định;

Tuổi bổ nhiệm Hiệu trưởng các trường ngoài công lập được quy định trong Quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường.

Điều 32. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng về tổ chức và nhân sự

1. Quyết định thành lập và giải thể các tổ chức của trường được quy định tại điểm c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.

2. Ban hành và bãi bỏ các nội quy, quy định trong nội bộ trường nhằm đảm bảo việc điều hành, kiểm tra và giám sát mọi hoạt động của trường theo đúng các quy định hiện hành.

3. Quyết định bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh trong các tổ chức được quy định tại điểm c khoản 1, trường, phó các đơn vị quy định tại các điểm d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.

4. Xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, tổ chức việc bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và tạo điều kiện cho giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học tham gia các sinh hoạt đoàn thể và hoạt động xã hội.

5. Tổ chức thi tuyển cán bộ, nhân viên, quyết định việc tiếp nhận, chuyển ngạch các chức danh từ giảng viên chính trở xuống; được cơ quan chủ quản nhà trường uỷ quyền tổ chức thi nâng ngạch và bổ nhiệm vào ngạch từ giảng viên chính trở xuống theo quy định của nhà nước (với các trường công lập), phù hợp với cơ cấu cán bộ, nhân viên của trường và tiêu chuẩn chức danh của ngành giáo dục.

Ký quyết định tuyển dụng, thôi việc và chuyển công tác giảng viên, cán bộ, nhân viên và ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong các hoạt động của nhà trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

7. Bảo đảm quyền lợi người học theo quy định của Điều lệ này.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về các mặt hoạt động của trường theo quy định hiện hành.

9. Thực hiện chế độ khen thưởng, kỷ luật theo quy định của nhà nước.

10. Đảm bảo trật tự, an ninh và an toàn trong nhà trường.

Điều 33. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng về hoạt động đào tạo

1. Tổ chức thực hiện các hoạt động đào tạo được quy định tại Chương II của Điều lệ này.

2. Chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo của nhà trường.

Điều 34. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng về hoạt động khoa học và công nghệ

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ của trường báo cáo các cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp nhà nước.

3. Tham gia quản lý và tổ chức thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp bộ.

4. Xét duyệt, quản lý và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các đề tài hợp tác quốc tế, các dự án phát triển cấp trường.

5. Xây dựng, tổ chức, quản lý các nguồn thông tin khoa học và công nghệ và các dịch vụ khoa học và công nghệ.

Điều 35. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng về tài chính, tài sản và đầu tư

1. Hiệu trưởng là chủ tài khoản của trường đại học, chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý tài chính và tài sản của đơn vị;

2. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý tài chính, tài sản tại các Điều 52, 55 của Điều lệ này và các quy định về lao động, tiền lương, tiền công, học bổng, học phí, trợ cấp xã hội, các chế độ chính sách tài chính đối với giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học của trường;

3. Quyết định mức chi quản lý, chi nghiệp vụ trong phạm vi nguồn tài chính được sử dụng, tùy theo nội dung và hiệu quả công việc quy định tại Điều 55 của Điều lệ này.

4. Tùy theo điều kiện cụ thể Hiệu trưởng các trường công lập được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Thủ trưởng cơ quan chủ quản uỷ quyền quyết định đầu tư các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của nhà nước.

5. Hiệu trưởng thực hiện việc quyết định đầu tư và quản lý các dự án từ ngân sách nhà nước theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng do Chính phủ ban hành.

6. Căn cứ vào quy hoạch hoặc kế hoạch phát triển nhà trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết nghị của Hội đồng trường hoặc Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xem xét, quyết định đầu tư và

phê duyệt tất cả các dự án, thủ tục xây dựng cơ bản, mua sắm, thanh lý tài sản từ nguồn vốn nêu tại các khoản 2 và 3 Điều 53 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng về quan hệ quốc tế

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về quan hệ quốc tế được quy định tại Chương V của Điều lệ này.
2. Quyết định cử cán bộ từ Phó Hiệu trưởng trở xuống đi công tác ở nước ngoài trên cơ sở những quy định hiện hành của nhà nước.
3. Quản lý các đoàn ra, đoàn vào trong phạm vi hoạt động của trường theo quy định của pháp luật.
4. Định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác quan hệ quốc tế của trường;

Điều 37. Nguyên tắc bổ nhiệm Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng được bổ nhiệm và bổ nhiệm lại theo nhiệm kỳ, mỗi nhiệm kỳ là 5 năm và không giữ quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.
2. Thủ trưởng cơ quan chủ quản bổ nhiệm, miễn nhiệm Hiệu trưởng các trường đại học công lập. Trong những trường hợp cụ thể, Thủ trưởng cơ quan chủ quản tổ chức thăm dò tín nhiệm tại trường trước khi bổ nhiệm.
Quy trình bổ nhiệm Hiệu trưởng trường công lập được thực hiện theo quy định của nhà nước.

3. Thủ trưởng cơ quan chủ quản công nhận, không công nhận Hiệu trưởng các trường đại học ngoài công lập.

Quy trình công nhận Hiệu trưởng các trường ngoài công lập được thực hiện theo Quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan chủ quản (với các trường công lập) hoặc Hội đồng quản trị (với các trường ngoài công lập) có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 38. Phó Hiệu trưởng trường đại học

1. Giúp việc cho Hiệu trưởng có các Phó Hiệu trưởng. Phó Hiệu trưởng trường đại học phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có sức khỏe, tuổi khi bổ nhiệm không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ. Riêng Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo và nghiên cứu khoa học phải có đủ các tiêu chuẩn như đối với Hiệu trưởng.

Theo đề nghị của Hiệu trưởng, Thủ trưởng cơ quan chủ quản bổ nhiệm và miễn nhiệm Phó Hiệu trưởng (đối với các trường công lập); công nhận, không công nhận Phó Hiệu trưởng (đối với các trường ngoài công lập).

2. Phó Hiệu trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a) Giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và điều hành các hoạt động của trường; trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác theo sự phân công của Hiệu trưởng và giải quyết các công việc do Hiệu trưởng giao;
- b) Khi giải quyết công việc được Hiệu trưởng giao, Phó Hiệu trưởng thay mặt Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về kết quả công việc được giao.

3. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

4. Trong trường hợp cần thiết, Thủ trưởng cơ quan chủ quản (với các trường công lập) hoặc Hội đồng Quản trị (với các trường ngoài công lập) có thể tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm đối với Phó Hiệu trưởng giữa nhiệm kỳ hoặc đột xuất.

Điều 39. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo là tổ chức tư vấn cho Hiệu trưởng về:

- a) Mục tiêu, chương trình đào tạo; kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ của trường;
- b) Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên.

2. Các thành viên Hội đồng khoa học và đào tạo của trường được quyền kiến nghị về kế hoạch và nội dung công việc của Hội đồng.

3. Hội đồng khoa học và đào tạo của trường đại học bao gồm: Hiệu trưởng, một số Phó Hiệu trưởng, các Trưởng khoa, các Viện trưởng; một số Giám đốc trung tâm, Trưởng phòng, Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ,

giảng viên, cán bộ hoạt động khoa học - công nghệ của trường; một số nhà khoa học, giáo dục, quản lý giáo dục và đại diện một số tổ chức kinh tế - xã hội ở ngoài trường quan tâm và am hiểu về giáo dục đại học.

4. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học và đào tạo theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng. Chủ tịch Hội đồng do các ủy viên Hội đồng bầu theo nguyên tắc đa số phiếu. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định theo phía có phiếu của Hiệu trưởng. Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng khoa học và đào tạo.

5. Hội đồng khoa học và đào tạo họp ít nhất 6 tháng một lần và do Chủ tịch Hội đồng triệu tập.

Điều 40. Các phòng chức năng

1. Các phòng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các mảng công việc chủ yếu của trường: hành chính - tổng hợp, tổ chức - cán bộ, đào tạo đại học và sau đại học, khoa học và công nghệ, công tác chính trị - quản lý người học, kế hoạch - tài chính, quan hệ quốc tế, thanh tra.

2. Đứng đầu các phòng là Trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc Trưởng phòng có các Phó trưởng phòng do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng phòng. Tuổi khi bổ nhiệm Trưởng phòng, Phó trưởng phòng không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ. Nhiệm kỳ của Trưởng phòng, Phó trưởng phòng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bổ nhiệm lại. Trong trường hợp cần thiết, Hiệu trưởng có thể lấy phiếu tín nhiệm đối với Trưởng phòng.

Điều 41. Các khoa và bộ môn trực thuộc trường

1. Khoa là đơn vị quản lý hành chính cơ sở của trường, có các nhiệm vụ sau đây:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch giảng dạy, học tập và chủ trì tổ chức quá trình đào tạo một hoặc một số ngành; tổ chức quá trình đào tạo và các hoạt động giáo dục khác trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của nhà trường;

b) Tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ, chủ động khai thác các dự án hợp tác quốc tế; phối hợp với các tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, kinh doanh, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội;

c) Quản lý giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng;

d) Quản lý chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học;

đ) Tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình môn học do Hiệu trưởng giao. Tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; đề xuất xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị dạy - học, thực hành, thực tập và thực nghiệm khoa học;

e) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho đội ngũ giảng viên, cán bộ, nhân viên và người học, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên và cán bộ nhân viên thuộc khoa.

2. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định thành lập và giải thể các khoa.

3. Đứng đầu các khoa là Trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giúp việc Trưởng khoa có các Phó Trưởng khoa do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng khoa. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa và Phó Trưởng khoa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa được chọn trong số các giảng viên có uy tín, có kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, quản lý. Trưởng khoa có học vị tiến sĩ.

5. Tuổi khi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa các trường công lập không quá 55 đối với nam và 50 đối với nữ. Giới hạn tuổi bổ nhiệm Trưởng khoa, Phó trưởng khoa trong các trường ngoài công lập được quy định trong quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường.

6. Quy trình bổ nhiệm Trưởng khoa được quy định trong quy chế về tổ chức và hoạt động của trường.

7. Trong các khoa có Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa do Hiệu trưởng quy định.

8. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng ra quyết định

9. Trong các trường đại học chuyên ngành chỉ tổ chức khoa hoặc bộ môn trực thuộc trường thì các khoa hoặc bộ môn trực thuộc có chức năng, nhiệm vụ của khoa và bộ môn được quy định tại các Điều 41 và 42 của Điều lệ này.

Điều 42. Các bộ môn

1. Bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, khoa học và công nghệ của trường đại học, chịu trách nhiệm về học thuật trong các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng khoa học và đào tạo và đề nghị của Trưởng khoa, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập, giải thể và quy định nhiệm vụ cụ thể của bộ môn. Bộ môn hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng quy định.

2. Bộ môn có các nhiệm vụ sau đây:

a) Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy, học tập một số môn học trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của trường, của khoa;

b) Xây dựng và hoàn thiện nội dung, chương trình, biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo liên quan đến chuyên ngành đào tạo và môn học được khoa và trường giao;

c) Nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, tổ chức các hoạt động học thuật nhằm nâng cao chất lượng đào tạo;

d) Tiến hành nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung ứng các dịch vụ khoa học và công nghệ theo kế hoạch của trường và khoa giao; chủ động phối hợp với các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ, sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhằm gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học với hoạt động sản xuất và đời sống xã hội, bổ sung nguồn tài chính cho trường;

đ) Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học của bộ môn; tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thuộc chuyên ngành;

e) Chủ trì việc đào tạo chuyên ngành cho một hoặc một số chuyên ngành; chủ trì việc đào tạo các chuyên ngành sau đại học;

g) Quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của bộ môn.

3. Đứng đầu bộ môn là Trưởng bộ môn. Trưởng bộ môn do Hiệu trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa sau khi tham khảo ý kiến của các giảng viên trong bộ môn. Trưởng bộ môn là nhà khoa học có uy tín của chuyên ngành đào tạo tương ứng. Nhiệm kỳ của Trưởng bộ môn là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Tiêu chuẩn cụ thể và giới hạn về độ tuổi của Trưởng Bộ môn do Hiệu trưởng quy định nhưng không vượt quá tuổi lao động quy định tại Luật Lao động đối với các trường công lập hoặc tuổi quy định tại quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường đối với các trường ngoài công lập.

Điều 43. Các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp

1. Các tổ chức khoa học và công nghệ trong trường đại học gồm có các tổ chức nghiên cứu và phát triển và các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

2. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được tổ chức dưới các hình thức: viện, trung tâm và các cơ sở nghiên cứu và phát triển khác. Các tổ chức nghiên cứu và phát triển được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật và có các nhiệm vụ sau:

a) Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ, đưa tiến bộ khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng;

b) Tham gia đào tạo, gắn đào tạo với hoạt động khoa học và công nghệ.

3. Các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật để phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, triển khai các hoạt động có liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ vào thực tiễn.

4. Các doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp được tổ chức phù hợp với ngành nghề đào tạo của trường, phục vụ cho mục tiêu phát triển của trường; được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc

Điều 44. Các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ

1. Trường đại học có Trung tâm thông tin tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ. Trung tâm thông tin tư liệu có trách nhiệm quản lý, bổ sung và cung cấp thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước thuộc các lĩnh vực hoạt động của trường, thu thập và bảo quản các sách, tạp chí, băng, đĩa, các tài liệu lưu trữ, các luận án đã bảo vệ tại trường, các ấn phẩm của trường; hướng dẫn và quản lý công tác quyền sở hữu trí tuệ của trường. Trung tâm thông tin tư liệu hoạt động theo quy chế do Hiệu trưởng ban hành.

2. Trường đại học có tổ chức in ấn. Nhiệm vụ, chức năng của tổ chức in ấn do Hiệu trưởng quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

3. Trường đại học còn có các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, khoa học và công nghệ như: phòng thí nghiệm, trạm nghiên cứu, trạm quan trắc, trạm thực nghiệm, xưởng, trường thực hành, bảo tàng, phòng truyền thống, tổ chức dịch vụ, câu lạc bộ, nhà văn hoá - thể dục thể thao, hệ thống ký túc xá, nhà ăn. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ sở này được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường.

4. Trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường về kế hoạch phát triển của trường, Hiệu trưởng quyết định việc thành lập và giải thể các cơ sở phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ.

Chương 7:

GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Điều 45. Quyền hạn và trách nhiệm của giảng viên, cán bộ, nhân viên

1. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Điều lệ trường đại học, Quy chế tổ chức và hoạt động và các quy định khác của trường do Hiệu trưởng ban hành.

2. Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và các công tác khác được trường, khoa, bộ môn giao.

3. Tham gia góp ý kiến vào việc giải quyết những vấn đề quan trọng của nhà trường, những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở.

4. Tham gia công tác quản lý nhà trường; tham gia công tác Đảng, đoàn thể khi được tín nhiệm.

5. Được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của nhà nước và quy định của nhà trường; được xét tặng Huy chương Vì sự nghiệp giáo dục và các phần thưởng cao quý khác; được tạo các điều kiện cần thiết để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 46. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên

1. Tiêu chuẩn của giảng viên được quy định tại Điều 61 Luật Giáo dục.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên được quy định tại các Điều 63, 64 của Luật Giáo dục và các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

a) Nhiệm vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được quy định theo giờ chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đối với các chức danh và ngạch tương ứng;

- Giảng dạy theo nội dung, chương trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đại học quy định. Viết giáo trình, bài giảng, tài liệu phục vụ giảng dạy - học tập theo sự phân công của các cấp quản lý;

- Không ngừng tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo;

- Tham gia và chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ và các hoạt động khoa học và công nghệ khác;

- Chịu sự giám sát của các cấp quản lý về chất lượng, nội dung, phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Hướng dẫn, giúp đỡ người học trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện tư tưởng, đạo đức, tác phong, lối sống.

b) Quyền hạn:

- Được bảo đảm về mặt tổ chức và vật chất kỹ thuật cho các hoạt động nghề nghiệp; được sử dụng các dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ và dịch vụ công cộng của nhà trường;

- Được quyền lựa chọn giáo trình, tài liệu tham khảo, phương pháp và phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, bảo đảm nội dung, chương trình, chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ;

- Được ký hợp đồng giảng dạy, khoa học và công nghệ với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu, cơ sở sản xuất và các tổ chức kinh tế khác theo quy định của Bộ Luật Lao động, Quy chế thỉnh giảng và kiêm nhiệm do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và các quy định có liên quan của nhà nước sau khi đã được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền theo quy định của Hiệu trưởng;

- Được đăng ký xét công nhận, được bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó giáo sư theo quy định của nhà nước; được Nhà nước xét tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú;

- Được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Được tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước theo quy định để công bố các công trình nghiên cứu khoa học, giáo dục.

Điều 47. Quyền, nghĩa vụ của giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ và các cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ khác tham gia đào tạo

1. Quyền, nghĩa vụ của giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ và các cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ khác trong trường đại học được quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Luật Khoa học và công nghệ.

2. Các cán bộ hoạt động khoa học và công nghệ tham gia đào tạo theo sự phân công của các cấp quản lý phải thực hiện các nhiệm vụ của giảng viên.

Điều 48. Tuyển chọn giảng viên

Trường đại học ưu tiên tuyển chọn các sinh viên tốt nghiệp đại học loại xuất sắc, giỏi, có phẩm chất tốt và những người có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn tốt bổ sung vào đội ngũ giảng viên.

Điều 49. Giảng viên, cán bộ, nhân viên làm việc theo hợp đồng dài hạn.

Giảng viên, cán bộ, nhân viên làm việc theo hợp đồng dài hạn đã ký kết với trường có đầy đủ tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn như các giảng viên, cán bộ, nhân viên khác.

Chương 8:

NGƯỜI HỌC

Điều 50. Đối tượng dự tuyển vào trường đại học

Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đủ điều kiện quy định theo Quy chế tuyển sinh đại học và Quy chế tuyển sinh sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo đều được đăng ký dự tuyển và xét tuyển vào trường đại học.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền của người học

Nhiệm vụ và quyền của người học được quy định tại Điều 74 và Điều 75 của Luật Giáo dục. Nghĩa vụ của người học tại trường đại học công lập được quy định tại Điều 76 của Luật Giáo dục. Ngoài ra, trong trường đại học người học còn có các nhiệm vụ, quyền lợi và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quy chế đào tạo;

2. Thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và các khoản khác theo quy định hiện hành của nhà nước;

3. Được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước đối với người học; được nhà trường tạo điều kiện trong học tập, hoạt động khoa học và công nghệ, tham gia các hội nghị khoa học, công bố các công trình khoa học và công nghệ trong các ấn phẩm của trường;

4. Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được cấp học bổng, trợ cấp, miễn giảm học phí, vay vốn tín dụng... theo quy định của nhà nước;

5. Học sinh, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh xuất sắc được hưởng các điều kiện ưu tiên trong học tập và nghiên cứu khoa học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương 9:

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 52. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Tài sản của trường đại học bao gồm: đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, các kết quả hoạt động khoa học và công nghệ, các trang thiết bị và những tài sản khác được Nhà nước giao cho trường quản lý và sử dụng hoặc do trường đầu tư mua sắm, xây dựng hoặc được biếu, tặng để đảm bảo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các hoạt động khác.
2. Tài sản của trường đại học công lập thuộc sở hữu nhà nước được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật.
3. Tài sản của trường đại học ngoài công lập được sở hữu, sử dụng và quản lý theo quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường.
4. Ngoài việc bố trí kinh phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tài sản hàng năm, trường đại học có kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý từ nguồn thu của trường để đầu tư bổ sung, đổi mới trang thiết bị, sửa chữa lớn, xây dựng mới và từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất kỹ thuật. Việc đầu tư phát triển cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học phải tuân thủ các quy định của Điều lệ này.
5. Hàng năm, trường đại học tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản của đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của nhà nước.

Điều 53. Nguồn tài chính của trường đại học

1. Ngân sách nhà nước cấp bao gồm:
 - a) Kinh phí hoạt động thường xuyên đối với trường đại học công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm một phần chi phí;
 - b) Kinh phí thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, ngành, chương trình mục tiêu quốc gia và các nhiệm vụ đột xuất khác được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thanh toán cho nhà trường theo chế độ đặt hàng để thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước;
 - c) Vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học theo dự án và kế hoạch hàng năm; vốn đối ứng do các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí đầu tư ban đầu, đầu tư khuyến khích của nhà nước đối với các trường ngoài công lập;
2. Nguồn thu sự nghiệp bao gồm:
 - a) Thu học phí, lệ phí từ người học theo quy định của nhà nước;
 - b) Thu từ các hoạt động hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử;
 - c) Thu từ hoạt động sản xuất, dịch vụ;
 - d) Các nguồn thu sự nghiệp khác: lãi tiền gửi ngân hàng, tiền thanh lý, khấu hao tài sản mua sắm từ nguồn thu quy định tại khoản này;
3. Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, bao gồm:
 - a) Tài trợ, viện trợ, ủng hộ, quà tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - b) Vốn vay ngân hàng và các tổ chức tín dụng, vốn góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư, mở rộng và phát triển nhà trường;
 - c) Các nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 54. Nội dung chi của trường đại học

1. Chi thường xuyên cho hoạt động đào tạo, khoa học - công nghệ và chi phục vụ các hoạt động đào tạo và khoa học - công nghệ của trường.
2. Chi hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
3. Chi thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, ngành; chương trình mục tiêu quốc gia; chi thực hiện đơn đặt hàng (điều tra, quy hoạch, khảo sát); chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài; chi thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được các cấp có thẩm quyền giao.

4. Chi đầu tư phát triển, gồm: chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị; chi thực hiện các dự án đầu tư khác theo quy định của nhà nước.

5. Chi trả vốn vay, vốn góp.

6. Các khoản chi khác.

Điều 55. Quản lý tài chính

1. Trường đại học công lập được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

2. Các trường đại học ngoài công lập được áp dụng chế độ tài chính quy định tại Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao và quy chế về tổ chức và hoạt động của từng loại hình trường.

Chương 10:

THANH TRA, KIỂM TRA, KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 56. Thanh tra, kiểm tra

1. Trường đại học tổ chức việc tự kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

2. Trường đại học chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Khen thưởng

Cá nhân và tập thể trường đại học thực hiện tốt Điều lệ này, có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp giáo dục, khoa học và công nghệ được khen thưởng theo quy định của nhà nước.

Điều 58. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể nào làm trái với các quy định của Điều lệ này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý kỷ luật hoặc kiến nghị với cơ quan chủ quản xử lý kỷ luật khi Hội đồng trường, Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng làm trái với các quy định của Điều lệ này.

3. Khi trường đại học làm trái với các quy định của Điều lệ này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm xử lý theo các mức độ sau:

a) Nhắc nhở bằng văn bản;

b) Quyết định tạm ngừng tuyển sinh;

c) Kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ tạm ngừng hoạt động của trường;

d) Trình Thủ tướng Chính phủ hoặc phối hợp với các cơ quan chủ quản trình Thủ tướng Chính phủ quyết định giải thể trường.